

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG **THƯƠNG MẠI**

Số 01, tháng 07/2025

www.tbt.gov.vn



WTO phát hành Hồ sơ Thuế quan Thế giới 2025

Bản tin TBT | 1

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

WTO phát hành Hồ sơ Thuế quan Thế giới 2025



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

5

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 01/07/2025 - 10/07/2025

7

Tin cảnh báo TBT số 01 tháng 07/2025

10

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

12

Lệnh Kiểm soát Chất lượng Vải tổng hợp Nhuộm của Ấn Độ năm 2024



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

16

Vụ kiện tranh chấp giữa Malaysia và EU về các biện pháp của Liên minh châu Âu (EU) và một số quốc gia thành viên đối với dầu cọ và nhiên liệu sinh học từ cây cọ dầu (DS600) (Phần 07)

Bản tin TBT | 2

WTO phát hành Hồ sơ Thuế quan Thế giới 2025

Ngày 7/7/2025, WTO đã công bố ấn bản năm 2025 của Hồ sơ Thuế quan Thế giới (World Tariff Profiles). Ấn phẩm này cung cấp dữ liệu toàn diện về thuế quan và các biện pháp phi thuế quan (NTM) do hơn 170 nền kinh tế trên thế giới đang áp dụng.

Đây là ấn phẩm phát hành chung giữa ba tổ chức lớn gồm: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) và Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD).

Phần I của ấn phẩm sẽ cung cấp các bảng tóm tắt, liệt kê mức thuế quan “ràng buộc” (tối đa) trung bình và mức thuế quan áp dụng cho mỗi nền kinh tế đối, phân loại theo sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp, tính đến cuối năm 2024.

Phần II của hồ sơ cung cấp dữ liệu thuế quan chi tiết hơn, phân tích theo nhóm sản phẩm cho từng nền kinh tế dựa trên các danh mục Đàm phán Thương mại Đa phương (MTN) của WTO - hệ thống phân loại sản phẩm được WTO sử dụng cho thống kê thương mại và phân tích chính sách. Ngoài ra, phần này còn hiển thị mức thuế quan áp dụng đối với hàng xuất khẩu của các đối tác thương mại chính, cùng với bản tóm tắt về thuế quan xuất nhập khẩu của mỗi nền kinh tế.

Phần III gồm các số liệu thống kê về các biện pháp phi thuế quan (NTM) được lựa chọn để phân tích theo nền kinh tế và nhóm sản phẩm. Các NTM trong hồ sơ không chỉ bao gồm các yêu cầu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS), mà còn là các biện pháp chống bán phá giá, các biện pháp chống trợ cấp và tự vệ.

Chủ đề đặc biệt của ấn phẩm năm nay là “Thương mại toàn cầu theo các điều khoản tối huệ quốc (MFN)”, một nguyên tắc cơ bản của hệ thống thương mại đa phương. Theo nguyên tắc MFN, tất cả các đối tác thương mại được đối xử bình đẳng và nghiên cứu nhận thấy nguyên tắc này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự ổn định của thương mại

thế giới. Dữ liệu toàn diện từ các nước Thành viên WTO cung cấp đã được sử dụng để nghiên cứu đánh giá việc áp dụng chế độ MFN của 184 nền kinh tế. Kết quả cho thấy tỷ trọng thương mại MFN khác nhau đáng kể giữa các nền kinh tế và nhóm sản phẩm, nhấn mạnh tầm quan trọng hiện tại của hệ thống thương mại đa phương. Bất chấp các thông báo gần đây về các hành động thuế quan và các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng, các tính toán sơ bộ cho thấy khoảng 74% thương mại toàn cầu được thực hiện theo các điều khoản MFN.

Hiện Hồ sơ này chỉ mới có phiên bản tiếng Anh, phiên bản tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha sẽ được đăng tải vào tháng 8 và tải xuống bản mềm hoàn toàn miễn phí tại trang web của WTO.

DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC
TỪ 01/07/2025 - 10/07/2025

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Á Rập Xê Út	3	Thực phẩm, Nhiên liệu.
Ai Cập	8	Thực phẩm, Vi sinh, PCCC, Đồ chơi.
Australia	1	Dược phẩm.
Ấn Độ	3	Thiết bị viễn thông.
Bahrain	2	Nước uống đóng chai, Tiêu chuẩn bao bì thực phẩm.
Burundi	12	Nước giải khát, Đồ uống có cồn, Mỹ phẩm.
Canada	2	Hoá chất, Sữa công thức.
Chile	6	Chất bảo quản thực phẩm, Thực phẩm đóng hộp.
Costa Rica	5	Thiết bị điện gia dụng.
Đan Mạch	1	Tiết kiệm năng lượng.
Ecuador	3	Nhựa và cao su sử dụng trong thực phẩm.
Guyana	1	Mũ bảo hiểm.
Hoa Kỳ	12	Thực phẩm, Sản phẩm y tế, Thiết bị điện tử, Tiêu chuẩn bao bì, Vật liệu tiếp xúc thực phẩm.
Israel	2	Thực phẩm chế biến, Bao bì thực phẩm.
Jordan	5	Dược phẩm, Ngủ cốc, Nhiên liệu.
Liên minh châu Âu	2	Đồ chơi, Đường sắt.
Kenya	16	Nước giải khát, Đồ uống có cồn, Mỹ phẩm, Hoá chất.
Kuwait	11	Ổ cắm điện, Thực phẩm, VLXD, Thiết bị điện gia dụng.
New Zealand	1	Thuốc thú y.
Nhật Bản	4	Dược phẩm, Thực phẩm chức năng, Thiết bị y tế.
Nga	2	Thiết bị công nghiệp và VLXD.
Oman	2	Thực phẩm.
Panama	3	Hoa quả.
Paraguay	1	Phụ gia thực phẩm.
Peru	3	Dược phẩm, Bao bì nhựa.
Qatar	2	Thực phẩm.
Rwanda	18	Nước giải khát, Đồ uống có cồn, Mỹ phẩm, Hoá chất.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Thái Lan	3	Công nghiệp luyện kim.
Thụy Sĩ	1	Bao bì.
Tanzania	12	Nước giải khát, Đồ uống có cồn, Mỹ phẩm.
Uganda	12	Nước giải khát, Đồ uống có cồn, Mỹ phẩm.
Ukraine	2	Nông nghiệp, Vi sinh.
UAE	3	Thực phẩm, Cân trong chuyển động.
Việt Nam	4	Hàng hải, Đường bộ, Dược phẩm, Thực phẩm.
Yemen	2	Thực phẩm.
Tổng số Thông báo	170	



TIN CẢNH BÁO 01/07/2025 – 10/07/2025

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm của Việt Nam



Ngày 01/07/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm do Bộ Y tế xây dựng.

Về cải cách thủ tục hành chính, Dự thảo sẽ loại bỏ một số trường hợp kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu (ví dụ: sản phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký công bố sản phẩm, sản phẩm chỉ sản xuất nội bộ); đơn giản hóa thủ tục chỉ định phòng kiểm nghiệm thực phẩm, bao gồm giảm yêu cầu về hồ sơ (cắt giảm 4/9 tài liệu), bãi bỏ một thủ tục miễn trừ giám sát và nới lỏng yêu cầu về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các Bộ Y tế, Nông nghiệp & Môi trường, Công Thương, Tài chính và chính quyền địa phương phải xây dựng hệ thống trực tuyến về quy trình an toàn thực phẩm, đảm bảo chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Về các sửa đổi, bổ sung khác, Dự thảo tăng cường các quy định giám sát sản phẩm tự công bố và đăng ký; thắt chặt tiêu chuẩn đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm dinh dưỡng y tế, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, dinh dưỡng cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi và thực phẩm bổ sung; giám sát sau lưu hành theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ; phân công trách nhiệm rõ ràng cho các bộ, ngành, địa phương trong việc đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái, chứng nhận kiểm nghiệm giả, lợi dụng thương mại trực tuyến, đồng thời kiểm soát giá thực phẩm chức năng, sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Việt Nam chưa đưa ra thời gian dự kiến ban hành và có hiệu lực của dự thảo. Các nước Thành viên WTO có 20 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/VNM/modification/25_04236_00_e.pdf

Mã thông báo G/TBT/N/VNM/339/Add.1.

Dự thảo Thông tư quy định về thử nghiệm lâm sàng đối với sản phẩm thuốc của Việt Nam



Ngày 03/07/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Thông tư quy định về thử nghiệm lâm sàng đối với sản phẩm thuốc do Bộ Y tế xây dựng.

Dự thảo Thông tư quy định về việc ban hành và áp dụng Thực hành lâm sàng tốt (GCP), đánh giá việc tuân thủ Thực hành lâm sàng tốt và hồ sơ, quy trình thực hiện thử nghiệm thuốc trên lâm sàng.

Dự thảo dự kiến được ban hành ngày 01/10/2025, và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 01/09/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/VNM/25_04308_00_x.pdf

Mã thông báo G/TBT/N/VNM/350.

Dự thảo Dự thảo Chỉ định bổ sung ba chất được coi là Shitei Yakubutsu của Nhật Bản



Ngày 04/07/2025, Nhật Bản thông báo cho các nước Thành viên WTO về đề xuất bổ sung ba (03) chất được coi là Shitei Yakubutsu thông qua dự thảo Chỉ định do Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi ban hành.

Shitei Yakubutsu là tên gọi chung cho các chất có khả năng tác động đến hệ thống thần kinh trung ương, dựa trên Đạo luật về đảm bảo chất lượng, hiệu quả và an toàn của các sản phẩm bao gồm dược phẩm và thiết bị y tế được ban hành năm 1960 với số hiệu

Luật số 145. Mục đích của dự thảo nhằm ngăn chặn việc lạm dụng các chất có khả năng ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương.

Dự thảo được ban hành ngày 03/07/2025, và có hiệu lực từ ngày 13/07/2025. Nhật Bản không đặt ra thời hạn đóng góp ý kiến đối với các nước Thành viên WTO.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe máy của Việt Nam



Ngày 08/07/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về khí thải mức 4 đối với xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

Dự thảo QCVN này quy định giá trị giới hạn khí thải, trình tự, phương pháp thử nghiệm và yêu cầu quản lý, thực hiện thử nghiệm khí thải mức 4 trong kiểm soát chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô hai bánh, xe gắn máy mới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này không áp dụng đối với các loại xe mô tô hai bánh, xe gắn máy sau đây:

a) Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy đáp ứng tiêu chuẩn khí thải quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; và

b) Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu.

Dự thảo dự kiến được ban hành ngày 01/10/2025, và có hiệu lực từ ngày 01/04/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 06/09/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/VNM/25_04525_00_x.pdf

Mã thông báo G/TBT/N/VNM/351.

DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VIỆT NAM MỚI BAN HÀNH

Stt	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Thông tư số 45/2025/TT-BCT	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường	Cập nhật: 15/07/2025	https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=179558&dvid=13
2	Văn bản hợp nhất 19/VBHN-BNNMT năm 2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	Văn bản hợp nhất 19/VBHN-BNNMT năm 2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hợp nhất Thông tư quy định về việc kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với mật ong	Cập nhật: 17/07/2025	https://luatvietnam.vn/thuc-pham/van-ban-hop-nhat-19-vbhn-bnnmt-405948-d5.html

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN TỚI TBT MỚI BAN HÀNH

Stt	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BCT	Hợp nhất Thông tư quy định về xuất xứ hàng hóa do Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-21-VBHN-BCT-2025-Thong-tu-quy-dinh-xuat-xu-hang-hoa-664357.aspx
2	Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT	Hợp nhất Thông tư quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Na Uy và Thụy Sĩ do Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Van-ban-hop-nhat-22-VBHN-BCT-2025-Thong-tu-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-uu-dai-thue-quan-Na-Uy-664356.aspx
3	Quyết định 42/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Quyết định 42/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước lĩnh vực Công Thương Thành phố Hà Nội	Cập nhật: 15/07/2025	https://luatvietnam.vn/co-ng-nghiep/quyet-dinh-42-2025-qd-ubnd-405642-d2.html

Lệnh Kiểm soát Chất lượng Vải tổng hợp Nhuộm của Ấn Độ năm 2024

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, Bộ Dệt may Ấn Độ đã thông báo dự thảo Lệnh Kiểm soát Chất lượng (QCO) đối với vải dệt kim hoặc móc từ sợi tổng hợp nhuộm, theo Thông báo TBT của WTO (G/TBT/N/IND/346). Dự thảo này yêu cầu các sản phẩm, dù sản xuất trong nước hay nhập khẩu, phải tuân thủ Tiêu chuẩn Ấn Độ IS 17777:2021 và mang Dấu Tiêu chuẩn của Cục Tiêu chuẩn hóa Ấn Độ (BIS) theo Scheme-I của Quy định Đánh giá Phù hợp BIS năm 2018. Mặc dù chưa được chính thức áp dụng, QCO này đã gây ra tranh luận quốc tế, với các mối quan ngại thương mại được nêu lần đầu tại Ủy ban TBT/WTO vào tháng 11/2024 và tiếp tục được thảo luận tại cuộc họp của Ủy ban tại Geneva vào tháng 03/2025. Indonesia và Trung Quốc đã bày tỏ lo ngại về các rào cản thương mại tiềm tàng.

Nội dung Chính của QCO

Dự thảo QCO yêu cầu vải dệt kim hoặc móc từ sợi tổng hợp nhuộm phải đáp ứng các yêu cầu được nêu trong IS 17777:2021. Tiêu chuẩn này quy định các đặc tính của vải làm từ sợi tổng hợp như polyester, nylon, acrylic hoặc các hỗn hợp của chúng, nhưng không đưa ra yêu cầu cụ thể về ngoại hình, cảm giác, độ bóng, thiết kế hoặc màu sắc. Các sản phẩm phải được cấp phép bởi BIS và mang Dấu Tiêu chuẩn để được lưu hành tại thị trường Ấn Độ.

Mục tiêu của QCO bao gồm:

Bảo vệ sức khỏe và môi trường: Đảm bảo chất lượng sản phẩm để bảo vệ người tiêu dùng, sức khỏe con người, động vật, thực vật và môi trường.

Ngăn chặn các hành vi thương mại không công bằng: Kiểm soát chất lượng để hạn chế nhập khẩu sản phẩm kém chất lượng.

Tăng cường khả năng cạnh tranh trong nước: Thúc đẩy sản xuất nội địa theo chính sách "Make in India" bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn thống nhất.

QCO áp dụng đồng đều cho cả nhà sản xuất trong nước và nước ngoài, với quy trình đánh giá phù hợp dựa trên ISO/IEC 17067:2013, tiêu chuẩn quốc tế về chứng nhận sản phẩm. Tuy nhiên, quy trình chứng nhận BIS, bao gồm kiểm tra nhà máy và thử nghiệm phòng thí nghiệm, đã gây ra một số tranh cãi về tính minh bạch và chi phí.

Phản hồi từ Indonesia và Trung Quốc

Trong khuôn khổ WTO, Indonesia và Trung Quốc đã bày tỏ lo ngại rằng QCO này có thể tạo ra các rào cản thương mại không cần thiết, ảnh hưởng đến các nhà sản xuất của họ. Các mối quan ngại này được nêu lần đầu vào tháng 11/2024 và được thảo luận lại tại cuộc họp Ủy ban TBT/WTO tại Geneva vào tháng 03/2025.

Quan điểm của Indonesia

Indonesia nhấn mạnh rằng QCO cản trở các nhà sản xuất nước này, đặc biệt do yêu cầu sợi phải được sản xuất từ Sợi Staple Viscose (VSF) tuân thủ IS 17266:2019. Tuy nhiên, không có sản phẩm VSF nào của Indonesia được BIS chứng nhận, và quy trình chứng nhận thiếu minh bạch đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Indonesia chỉ ra rằng:

Tác động chuỗi cung ứng: QCO ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi cung ứng sản phẩm viscose, từ thượng nguồn đến hạ nguồn.

Thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật: BIS chưa đảm bảo đủ nguồn lực, bao gồm nhân sự để kiểm tra nhà máy, để triển khai chứng nhận một cách minh bạch và theo lịch trình rõ ràng.

Đề xuất giải pháp: Indonesia kêu gọi Ấn Độ hoãn QCO cho đến khi có sự rõ ràng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy đối thoại song phương để giải quyết các mối quan ngại.

Quan điểm của Trung Quốc

Trung Quốc cho rằng QCO, đặc biệt là Điều 2, tạo ra rào cản thương mại do thiếu cơ sở khoa học để áp dụng chứng nhận BIS bắt buộc, trong khi các doanh nghiệp đã tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, ISO 45001 và ISO 14001. Trung Quốc nêu bật các vấn đề:

Chi phí và thời gian chứng nhận: Quy trình BIS yêu cầu kiểm tra nhà máy bởi các quan chức BIS và thử nghiệm phòng thí nghiệm, với chi phí do nhà xuất khẩu chịu, kéo dài hàng tháng và gây ra nguy cơ chậm trễ, tồn kho và chi phí bổ sung.

Không phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế: Trung Quốc cho rằng các quy trình đánh giá phù hợp của BIS không hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế, vi phạm các điều khoản của Hiệp định TBT (Điều 2.2, 5.1.2, 5.2.1, 6.4).

Khuyến nghị: Trung Quốc đề xuất Ấn Độ áp dụng các phương pháp được quốc tế công nhận để giảm chi phí, cho phép thử nghiệm ở các phòng thí nghiệm ngoài Ấn Độ, và chấp nhận báo cáo thử nghiệm từ các phòng thí nghiệm không được công nhận.

Phản hồi của Ấn Độ

Ấn Độ đã phản hồi tại cuộc họp Ủy ban TBT/WTO vào tháng 3/2025 rằng QCO vẫn đang ở giai đoạn dự thảo và chưa được áp dụng chính thức. Đại diện Ấn Độ làm rõ một số điểm:

Hiểu lầm về yêu cầu sợi VSF: Lo ngại của Indonesia về việc IS 17777:2021 yêu cầu sợi tuân thủ IS 17266:2019 là không chính xác. Tiêu chuẩn này cho phép sử dụng nhiều loại sợi tổng hợp (polyester, nylon, acrylic, v.v.) và không giới hạn ở VSF.

Tính không phân biệt đối xử: QCO và quy trình đánh giá phù hợp áp dụng đồng đều cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài, đảm bảo không có sự thiên vị.

Cơ sở quốc tế: Các quy trình chứng nhận BIS dựa trên ISO/IEC 17067:2013, phù hợp với thông lệ quốc tế. Thời gian kiểm tra phụ thuộc vào các yếu tố như visa cho kiểm toán viên, sự sẵn sàng của nhà sản xuất và mẫu thử nghiệm.

Cam kết minh bạch: Ấn Độ cam kết đảm bảo quy trình chứng nhận minh bạch và công bằng, đồng thời sẵn sàng tiếp tục đối thoại với các bên liên quan.

Ấn Độ nhấn mạnh rằng QCO nhằm bảo vệ người tiêu dùng và môi trường, đồng thời hỗ trợ ngành công nghiệp dệt may trong nước, vốn đang đối mặt với thách thức từ các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ, đặc biệt từ Trung Quốc.

Kết luận

Dự thảo QCO của Ấn Độ đối với vải dệt kim hoặc móc từ sợi tổng hợp nhuộm là một nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ ngành công nghiệp nội địa, nhưng đã vấp phải phản đối từ Indonesia và Trung Quốc do các rào cản thương mại tiềm tàng, được nêu lần đầu vào tháng 11/2024 và thảo luận lại tại Geneva vào tháng 3/2025. Các mối quan ngại về minh bạch, chi phí và tính khả thi của quy trình chứng nhận BIS cần được giải quyết để đảm bảo QCO không vi phạm các nguyên tắc của WTO. Phản hồi của Ấn Độ cho thấy sự sẵn sàng đối thoại, nhưng việc tìm ra giải pháp cân bằng giữa bảo vệ trong nước và thương mại quốc tế sẽ là thách thức lớn. Với ngành dệt may Ấn Độ dự kiến đạt 350 tỷ USD vào năm 2030, QCO này có thể định hình tương lai của thị trường, nhưng cần được triển khai một cách cẩn trọng để tránh xung đột thương mại.

Vụ kiện tranh chấp giữa Malaysia và EU về các biện pháp của Liên minh Châu Âu (EU) và một số quốc gia thành viên đối với dầu cọ và nhiên liệu sinh học từ cây cọ dầu (DS600) (Phần 07)

Các yêu cầu áp dụng cho nhiên liệu sinh học, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối

Đoạn cuối cùng của Điều 7(1) của RED II quy định rằng nhiên liệu sinh học, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối chỉ có thể được tính đến trong phép tính này nếu chúng đáp ứng một số tiêu chí nhất định về tính bền vững và tiết kiệm phát thải khí nhà kính (GHG).

Các tiêu chí bền vững được quy định tại Điều 29 của RED II. Theo Điều 29, nhiên liệu sinh học, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối được sản xuất từ sinh khối nông nghiệp:

(a) Không được sản xuất từ nguyên liệu thô lấy từ đất có giá trị đa dạng sinh học cao, cụ thể là đất có tình trạng rừng nguyên sinh và đất rừng khác, rừng có đa dạng sinh học cao và đất rừng khác giàu loài và không bị suy thoái và các khu vực được chỉ định cho mục đích bảo vệ thiên nhiên; hoặc để bảo vệ các hệ sinh thái hoặc loài quý hiếm, bị đe dọa hoặc bị đe dọa được công nhận bởi các thỏa thuận quốc tế, trừ khi có bằng chứng cho thấy việc sản xuất nguyên liệu thô đó không ảnh hưởng đến mục đích bảo vệ thiên nhiên đó.

(b) Không được sản xuất từ nguyên liệu thô thu được từ đất có trữ lượng carbon cao, cụ thể là đất có một trong các trạng thái sau vào tháng 01 năm 2008 và không còn trạng thái đó nữa:

- Đất ngập nước, cụ thể là đất được bao phủ hoặc bão hòa bởi nước thường xuyên hoặc trong một phần đáng kể của năm;

- Khu vực rừng liên tục, cụ thể là đất trải rộng hơn một hecta với cây cao hơn năm mét và độ che phủ tán cây hơn 30%, hoặc cây có thể đạt được ngưỡng đó tại chỗ;

- Đất trải rộng hơn một hecta với cây cao hơn năm mét và độ che phủ tán cây từ 10% đến 30%, hoặc cây có thể đạt được ngưỡng đó tại chỗ, trừ khi có bằng chứng cho thấy trữ lượng carbon của khu vực trước và sau khi chuyển đổi đạt mức mà khi áp dụng phương pháp quy định tại Phần C của Phụ lục V, các điều kiện quy định tại khoản 10 của Điều này sẽ được đáp ứng.

(c) Không được làm từ nguyên liệu thô lấy từ đất là đất than bùn vào tháng 01 năm 2008, trừ khi có bằng chứng cho thấy việc canh tác và thu hoạch nguyên liệu thô đó không liên quan đến việc thoát nước cho đất chưa thoát nước trước đó.

Điều 29(10) của RED II cũng quy định các tiêu chí tiết kiệm phát thải khí nhà kính sau đây:

Lượng khí nhà kính tiết kiệm được từ việc sử dụng nhiên liệu sinh học, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối được tính đến cho các mục đích nêu tại khoản 1 sẽ là:

(a) Ít nhất 50% đối với nhiên liệu sinh học, khí sinh học tiêu thụ trong lĩnh vực giao thông vận tải và chất lỏng sinh học được sản xuất tại các cơ sở đang hoạt động vào hoặc trước ngày 05 tháng 10 năm 2015;

(b) Ít nhất 60% đối với nhiên liệu sinh học, khí sinh học tiêu thụ trong lĩnh vực giao thông vận tải và chất lỏng sinh học được sản xuất tại các cơ sở bắt đầu hoạt động từ ngày 06 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020;

(c) Ít nhất 65% đối với nhiên liệu sinh học, khí sinh học tiêu thụ trong lĩnh vực giao thông vận tải và chất lỏng sinh học được sản xuất tại các cơ sở bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

(d) Ít nhất 70% đối với sản xuất điện, sưởi ấm và làm mát từ nhiên liệu sinh khối được sử dụng trong các cơ sở bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, và 80% đối với các cơ sở bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Một cơ sở được coi là đang hoạt động khi việc sản xuất thực tế nhiên liệu sinh học, khí sinh học tiêu thụ trong lĩnh vực vận tải và chất lỏng sinh học, và việc sản xuất thực tế sưởi ấm, làm mát và điện từ nhiên liệu sinh khối đã bắt đầu.

Lượng khí thải nhà kính tiết kiệm được từ việc sử dụng nhiên liệu sinh học, khí sinh học tiêu thụ trong lĩnh vực vận tải, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối được sử dụng trong các cơ sở sản xuất nhiệt, làm mát và điện sẽ được tính toán theo Điều 31(1).

Để xác định lượng khí thải GHG tiết kiệm được từ nhiên liệu sinh học, Liên minh châu Âu áp dụng phương pháp phân tích vòng đời (LCA). Phụ lục V của RED II trình bày chi tiết phương pháp LCA để tính toán lượng khí thải GHG từ việc sản xuất và sử dụng nhiên liệu sinh học. Phương pháp này bao gồm việc xem xét lượng khí thải GHG từ những thay đổi về trữ lượng carbon do thay đổi sử dụng đất (LUC). Lượng khí thải liên quan đến LUC này được tính toán bằng cách xem xét: (1) trữ lượng carbon trên một đơn vị diện tích liên quan đến việc sử dụng đất tham chiếu (trước khi thay đổi sử dụng đất); (2) trữ lượng carbon trên một đơn vị diện tích liên quan đến việc sử dụng đất thực tế; (3) năng suất cây trồng (được đo bằng năng lượng nhiên liệu sinh học trên một đơn vị diện tích); và (4) liệu sinh khối có được thu được từ đất bị thoái hóa đã được phục hồi hay không.

Điều 30 của RED II quy định thêm về "Xác minh việc tuân thủ các tiêu chí về tính bền vững và tiết kiệm khí thải nhà kính". Điều 30(1) quy định một phần rằng:

Khi nhiên liệu sinh học, chất lỏng sinh học và nhiên liệu sinh khối, hoặc các nhiên liệu khác đủ điều kiện để tính vào tử số được đề cập tại điểm (b) của Điều 27(1), được tính đến cho các mục đích được đề cập tại Điều 23 và 25 và tại các điểm (a), (b) và (c) của tiểu đoạn đầu tiên của Điều 29(1), các Quốc gia Thành viên sẽ yêu cầu các nhà khai thác kinh tế chứng minh rằng các tiêu chí về tính bền vững và tiết kiệm khí thải nhà kính được quy định tại Điều 29(2) đến (7) và (10) đã được đáp ứng. [...] và rằng:

Vì những mục đích đó, họ sẽ yêu cầu các nhà khai thác kinh tế sử dụng hệ thống cân bằng khối lượng [...] Hệ thống cân bằng khối lượng sẽ đảm bảo rằng mỗi lô hàng chỉ được tính một lần tại điểm (a), (b) hoặc (c) của tiểu đoạn đầu tiên của Điều 7(1) cho mục đích tính toán tổng mức tiêu thụ năng lượng cuối cùng từ các nguồn tái tạo và sẽ bao gồm thông

tin về việc liệu có hỗ trợ cho việc sản xuất lô hàng đó hay không, và nếu có, về loại chương trình hỗ trợ.

